

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 6 năm 2025

Về việc: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Triệu Thị Thuỷ Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Hà Chí Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 72/2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Vắng mặt có lý do

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. Vắng mặt không lý do

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn 10-7-2013 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm. Anh chị chung sống hoà thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, không có tiếng nói chung, anh N không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh N đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh N sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Văn N có 02 con là Nguyễn Tiến P, sinh ngày 09/3/2013 và Nguyễn Mai P1, sinh ngày 18/6/2015. Sau khi ly thân, các con đang ở cùng anh N và ông bà nội tại thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mai P1; anh N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tiến P. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh N mới gửi bản tự khai đến Tòa án và trình bày:

Anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 10/3/2013 tại UBND xã Đ, huyện L. Anh chị chung sống hoà thuận tại thôn A, xã Đ, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không đánh đập gì đối với vợ con và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị N.

Về nuôi con: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con là Nguyễn Tiến P, sinh ngày 09/3/2013 và Nguyễn Mai P1, sinh ngày 18/6/2015. Hiện nay các con đang ở với anh và ông bà nội tại thôn A, xã Đ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả hai con và anh yêu cầu chị N phải cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, toà án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bị đơn xác định: Anh N có đăng ký thường trú và có cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện L. Chị T và anh N có mâu thuẫn, đã sống ly thân và có 02 con hiện đang sống cùng anh N và ông bà nội tại thôn A, xã Đ, huyện L.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2025, cháu P có nguyện vọng ở với bố, cháu P1 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mai P1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2015, giao

cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 09/3/2013. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhưng không cải thiện được. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không quan tâm đến nhau.

Theo anh N, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không đánh đập vợ con nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh.

Toà án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân. Anh N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh có gửi bản tự khai nhưng không có ý kiến với yêu cầu ly hôn của chị T. Qua đó cho thấy, anh không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của chị T và anh N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Việc giao mỗi người nuôi một con theo yêu cầu của chị T và theo nguyên vọng của cháu P muốn ở với bố và cháu P1 muốn ở với mẹ là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá đó, góp phần duy trì sự gắn kết tình cảm giữa con với cả cha và mẹ, đồng thời phù hợp với độ tuổi, giới tính của

các con và không ai phải cấp dưỡng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N về việc nuôi cả hai con và yêu cầu về cấp dưỡng. Cần giao cháu P1 cho chị T và giao cháu P cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mai P1 sinh ngày 18/6/2015; giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 09/3/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0002553 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS H. Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Động Quan;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

